

Bản tin chứng khoán

Trong số này

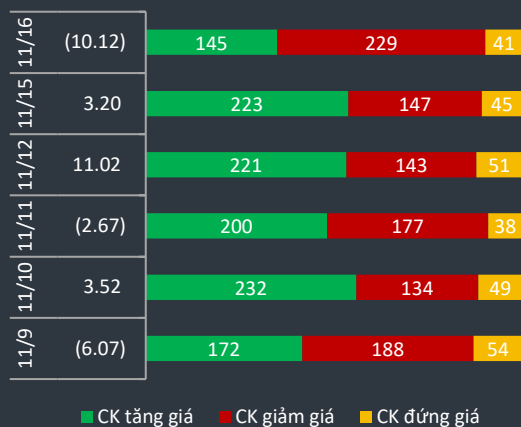
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FUEFVN	266.00
MSN	116.46
PHR	95.20
NKG	84.61
CII	44.26
HCM	35.21
GMD	(29.92)
DPM	(38.16)
KDH	(48.93)
GEX	(53.51)
CTG	(54.85)
VIC	(70.49)
VCI	(81.52)
BCM	(104.41)

Thị trường gặp áp lực chốt lời khá mạnh ngay từ đầu phiên với lượng bán lớn ở những nhóm cổ phiếu đã tăng nóng mấy tuần gần đây. Lực cung tại vùng giá cao khiến VN-Index đổ dốc ngay đầu phiên sáng và có thời điểm lún sâu hơn 9 điểm. Tuy nhiên với tâm lý ham giá rẻ đã giúp nhiều cổ phiếu nóng thoát sàn và được lực mua lớn đỡ mạnh vào như DLG, ITA, HNG, CII ... Nhóm trụ hôm nay cũng bị đè khá mạnh với 2/3 cổ phiếu VN30 đỏ lửa trong đó nặng nhất là HPG, HDB, GVR, PNJ, SSI.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng thể hiện khá tốt đầu phiên nhưng sau đó cũng chịu điều chỉnh nhẹ với hơn ½ số mã giảm. Một số bank xanh nhẹ hầu hết là nhóm bank nhỏ như VBB, SGB, PGB. OCB trong ngày xanh nhẹ 0.2% lên 26.7. Thanh khoản của OCB đạt ở mức khá trên 3.4 triệu cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu chứng khoán phần lớn cũng điều chỉnh nhưng các mã nhỏ vẫn giữ đà xanh và lực mua mạnh như APS, DSC, BMS, CTS, TVS.

Hai nhóm ngành tăng đáng chú ý nhất trong ngày là bảo hiểm và Logistic. Cổ phiếu bảo hiểm hầu như đều xanh trong đó đứng đầu là BMI tăng hơn 5%, MIG 3.2%, BVH 3%. Cổ phiếu logistic nổi bật có HAH, VNL, PHP, DXB, GMD, VTO. 9 tháng đầu năm lợi nhuận nhóm doanh nghiệp vận tải biển tăng trưởng khoảng 23% trong đó có khá nhiều doanh nghiệp có mức tăng trưởng lợi nhuận bằng lần như HAH 173%, SGP 141%, TMS 59% ... Giá cước tàu biển tăng cao là nguyên nhân chính kéo lợi nhuận nhiều doanh nghiệp lập đỉnh. Chi phí vận tải biển đã tăng cao ngoài tầm kiểm soát trong đại dịch và đạt đến đỉnh điểm. Theo số liệu từ Cục Hàng hải, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển 9 tháng đầu năm ước đạt hơn 535 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, dù một số cảng biển lớn khu vực phía Nam chịu tác động mạnh của dịch bệnh nhưng tổng khối lượng hàng container qua cảng biển cả nước vẫn duy trì mức tăng trưởng hai con số, ước đạt gần 18,6 triệu TEU, tăng 15%.

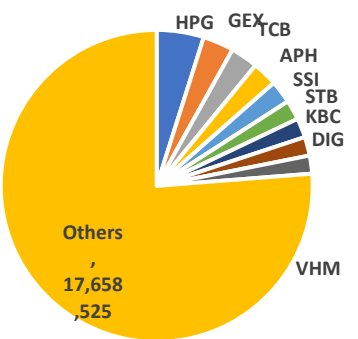
Nhóm cổ phiếu bất động sản bao gồm nhiều cổ phiếu nóng như LDG, DLG, CII, ITA, SZC, HQC, KBC có độ rung lắc rất mạnh và bị thoát hàng mạnh khi nhà đầu tư tranh thủ chốt lời trong ngày. Khá nhiều cổ phiếu đã gần chạm sàn trong ngày nhưng sau đó hồi phục nhẹ trở lại nhờ lực bắt đáy lớn.

Vnindex 1,466.45

▼ -10.12 (-0.69%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BVH	64.6	1,900	3.03
BCM	56.4	1,200	2.17
HVN	25.1	500	2.03
POW	14.1	200	1.44
FPT	98.3	1,000	1.03
VJC	127.9	900	0.71
STB	28.1	100	0.36
SAB	170.6	600	0.35
MBB	28.7	50	0.17
BID	42.8	-	-
TCB	52.0	-	-
VPB	36.2	-	-
VIC	94.8	(200)	(0.21)
CTG	32.4	(100)	(0.31)
REE	71.8	(300)	(0.42)
VNM	88.6	(400)	(0.45)
NVL	103.1	(500)	(0.48)
VRE	30.1	(150)	(0.50)
VCB	97.2	(500)	(0.51)
PDR	90.5	(500)	(0.55)
TPB	43.7	(250)	(0.57)
ACB	33.2	(250)	(0.75)
VIB	38.1	(300)	(0.78)
DHG	102.1	(1,100)	(1.07)
MWG	137.9	(1,500)	(1.08)
VHM	83.0	(1,000)	(1.19)
MSN	152.0	(2,000)	(1.30)
GAS	116.7	(2,200)	(1.85)
PLX	58.8	(1,300)	(2.16)
SSI	44.8	(1,050)	(2.29)
PNJ	108.0	(2,800)	(2.53)
GVR	39.4	(1,150)	(2.84)
HPG	52.0	(1,600)	(2.99)
HDB	27.9	(950)	(3.29)



Chỉ số Vnindex đóng cửa điều chỉnh 10 điểm và lui về 1466. Thanh khoản hôm nay của thị trường tiếp tục đạt gần 32 ngàn tỷ. Dòng tiền vẫn xoay vòng mạnh và vẫn còn khá tham lam khi liên tục mua mạnh ở các vùng giá thấp. Nhóm chứng khoán vẫn khá mạnh mẽ cùng với nhóm ngân hàng đang có hồi phục từ vùng đáy dù đã tăng có chậm hơn nhưng chắc chắn. Một số cổ phiếu đáng chú ý ở nhóm bank như OCB, STB, MBB, CTG, TCB. Nhóm chứng khoán nhóm đứng đầu vẫn giữ giá tốt như VCI, VND, SSI và nhóm nhỏ như APS, TVS, CTS vẫn tăng giá tốt. Về ngắn hạn thị trường vẫn đang ở vùng đỉnh phân phối vì vậy nhà đầu tư cần thu gọn lại danh mục đầu tư. Giữ tỷ trọng tiền mặt cao hơn để chờ tín hiệu mua lại giá thấp ở những nhịp điều chỉnh như hôm nay.

Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ

Phân đạm: DPM, DCM

Chứng khoán: VND, HCM, SSI, VCI, CTS,

Ngân hàng: OCB, TPB, CTG, TCB, STB, MBB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, DIG, ITA, FRT, HBC, DPR, BVH, ABI

Cổ phiếu nắm giữ trung và dài hạn

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	76.2	(2.7)	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	19.1%
PET	33.2	4.4	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	18.6%
LCG	18.7	2.5	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	33.6%
DPR	81.5	(2.0)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	21.6%
IDC	82.5	(12.7)	45	85	Nắm giữ	9/21/2021	65.0%
REE	71.8	(0.3)	50	80	Nắm giữ	7/12/2021	40.8%
GVR	39.4	(3.1)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	34.0%
HCM	45.0	3.6	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	32.4%
VCI	71.3	(1.7)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	45.5%
SSI	44.8	1.0	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	35.8%
MBB	28.7	0.2	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-1.0%
OCB	26.7	(4.8)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	16.1%
HPG	52.0	(8.0)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	15.6%
DGW	125.5	12.1	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	151.0%



Các cổ phiếu cho tín hiệu mua ngắn hạn

Bộ lọc cổ phiếu với các tiêu chí mua bán ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể mua khi giá chạm mục tiêu với kỳ vọng lợi nhuận từ 1 tuần đến 3 tháng. Một số cổ phiếu sẽ có hàm lượng rủi ro cao vì vậy luôn dự phòng vùng cắt lỗ chặn dưới 10%.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngưỡng cắt lỗ	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	38.1	0.1	20	30	Mua quanh 38. Mục tiêu 50	Dưới 35	11/15/2021	-0.5%
NKG	47.6	(6.1)	20	30	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	Dưới 45	11/15/2021	-0.8%
TCB	52.0	(0.6)	20	30	Mua quanh 52. Mục tiêu 65	Dưới 48	11/15/2021	0.0%
TLH	22.0	(4.1)	20	30	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 30	Cắt lỗ nếu dưới 20	11/5/2021	-4.3%
BNA	46.5	(1.5)	37	50	Mua quanh 42-43. Mục tiêu 50	Cắt lỗ nếu dưới 35	11/5/2021	7.4%
PTB	106.0	(4.4)	100	125	Mua quanh 110-112. Mục tiêu 125	Cắt lỗ nếu dưới 100	11/5/2021	-5.6%
DHC	91.4	(4.6)	85	110	Mua quanh 94-96. Mục tiêu 110	Cắt lỗ nếu dưới 90	11/5/2021	-4.9%
FIT	15.3	9.7	11	17	Mua quanh 12-13. Mục tiêu 17	Cắt lỗ nếu dưới 11	11/5/2021	14.2%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

DAG	6.87
PTL	6.91
HAX	6.92
HVX	6.92
HAH	6.94
MCG	6.94
HTN	6.95
TNI	6.96
TNT	6.97
TVS	6.98
PIT	6.99
PXI	7.00
TIE	8.77

Top tăng giá HNX

PGT	8.94
TV3	9.27
X20	9.38
PCG	9.40
CMS	9.52
CMC	9.60
VC1	9.62
CEO	9.63
VIG	9.65
CVN	9.68
CAG	9.74
CIA	9.93
MCO	10.00

TLH – CTCP Thép Tiến Lên - Doanh thu tháng 10 đạt 650 tỷ đồng, gấp 2,3 lần tháng 9; lợi nhuận sau thuế gần 41 tỷ đồng, tăng 20,6%. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 17,5% xuống 9,2% - quay về mức thấp quý III/2020. Lũy kế 10 tháng, doanh thu đạt 3.933 tỷ đồng, lãi sau thuế 463 tỷ đồng; lần lượt thực hiện 78% và vượt 85,2% kế hoạch năm.

TCM – CTCP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công - Công bố doanh thu tháng 10 đạt 11,6 triệu USD (262 tỷ đồng), tăng 19,6% và tăng 46% so với tháng 9; lãi sau thuế 79.034 USD (1,8 tỷ đồng), giảm 90,3% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, sau 2 tháng lỗ liên tiếp, doanh nghiệp đã có lãi trở lại.

APS – CTCP Chứng khoán châu Á – Thái Bình Dương - Công ty điều chỉnh tăng mục tiêu doanh thu năm 2021 gần 4 lần lên 550 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế điều chỉnh 500 tỷ đồng, gấp 7 lần so với chỉ tiêu đề ra trước đó.

Bên cạnh đó công ty dự kiến phát hành 83 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1. Vốn điều lệ theo đó tăng từ 830 tỷ đồng lên 1.660 tỷ đồng. Giá chào bán không thấp hơn 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện quý IV, ngay sau khi được UBCK chấp thuận.

CRE – CTCP Cen Land - Công bố doanh thu thuần 10 tháng ước đạt 5.008 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 363 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 100% và 89% kế hoạch cả năm 2021.

NLG – CTCP Đầu tư Nam Long - Ngày 24/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021 và nhận cổ phiếu thưởng, ngày đăng ký cuối cùng là 25/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cả tiền mặt và cổ phiếu theo tỷ lệ lần lượt là 6,91% và 100:3,616. Cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100 : 6,926.

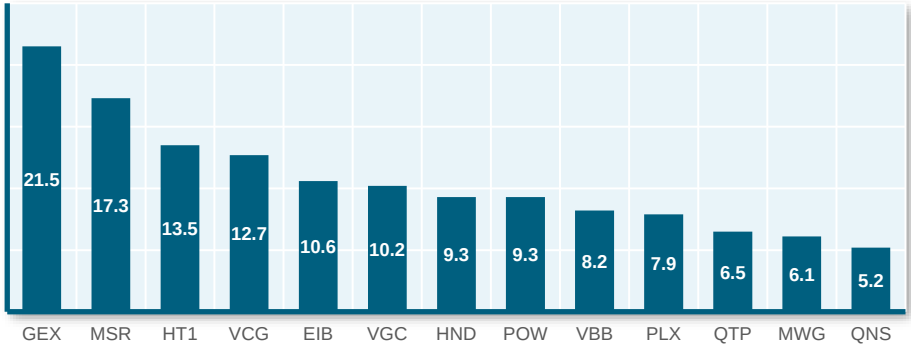
SFC – CTCP Nhiên liệu Sài Gòn - Ngày 19/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 NĐTC 2020 - 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 22/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 18%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

CKG – CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang - Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ, Thành viên HĐQT đã bán ra 1 triệu cổ phiếu CKG từ ngày 02/11 đến 12/11 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Sau giao dịch, bà Lệ đã giảm sở hữu tại CKG xuống còn 1,1 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1,33%.

YEG – Bà Trần Uyên Phương, cổ đông lớn đã bán ra hơn 343.000 cổ phiếu YEG trong ngày 02/11. Sau giao dịch, bà Phương đã giảm sở hữu tại YEG xuống còn hơn 3,14 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 10,05%.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	36.2	9,094,400	7.2	1.5	-	100	160,704	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	38.1	1,692,400	6.8	2.8	62,600	1,300	59,097	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.2	706,300	17.6	3.4	378,200	195,400	360,503	23.59	5,532	28,293
VBB	HNX	18.4	695,527	22.2	1.6	2,200	-	8,789	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.8	1,202,049	14.9	1.3	-	-	7,920	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.7	2,533,500	9.6	2.3	20,900	268,100	51,202	29.86	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.0	12,519,700	11.3	2.2	-	-	182,568	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.1	22,035,100	14.6	1.7	223,700	2,129,100	52,880	16.89	1,922	16,846
SSB	HOSE	36.9	2,192,100	21.4	3.0	-	-	49,471	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.6	8,287,900	10.8	1.7	10,700	349,400	45,455	3.65	2,183	14,014
SGB	HNX	18.7	530,530		1.5	-	-	5,760	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	28.5	540,628	38.6	2.1	-	500	8,550	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.7	3,422,300	7.0	1.5	600	-	36,507	21.82	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.9	202,400	141.0	2.7	-	-	11,757	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	21.9	437,001	6.5	1.3	1,100	-	9,996	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	24.0	7,498,700	7.3	1.4	-	1,000	36,660	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.7	13,885,700	7.4	1.4	551,700	347,300	108,249	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.1	20,396,200	8.9	1.6	44,100	59,500	27,803	3.91	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.4	95,079	11.5	1.7	-	-	8,459	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	27.9	6,752,700	7.2	1.6	698,700	3,567,500	55,583	18.20	3,854	17,399
EIB	HOSE	28.2	455,900	32.3	2.0	-	23,100	34,670	29.69	874	14,061
CTG	HOSE	32.4	8,840,900	7.4	1.3	1,295,400	719,200	155,706	24.83	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.2	3,982,644	19.2	1.7	5,200	1,000	8,149	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	42.8	1,266,900	17.0	2.0	112,300	60,100	172,142	16.62	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.6	49,870	23.8	1.8	-	-	17,021	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.2	5,211,500	7.2	2.2	-	-	89,570	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.9	1,259,536	7.5	1.3	-	-	11,940	30.00	2,801	16,671
			135,787,464	18.69	1.88	3,407,400	7,722,600	1,777,111		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CLC	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	T12	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SFI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	ICG	HNX	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	THG	HOSE	18/11/2021	19/11/2021	3/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SFN	HNX	18/11/2021	19/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SFN	HNX	18/11/2021	19/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CBS	UPCoM	18/11/2021	19/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	CNC	UPCoM	17/11/2021	18/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BKH	UPCoM	17/11/2021	18/11/2021	17/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	GDT	HOSE	16/11/2021	17/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	C36	UPCoM	16/11/2021	17/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	FCN	HOSE	15/11/2021	16/11/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HC3	UPCoM	15/11/2021	16/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	ST8	HOSE	15/11/2021	16/11/2021	8/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TIX	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	SMC	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	KHP	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DDN	UPCoM	12/11/2021	15/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	PGN	HNX	12/11/2021	15/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	BMV	UPCoM	12/11/2021	15/11/2021	22/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 88 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VPI	HOSE	11/11/2021	12/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	L12	UPCoM	11/11/2021	12/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	BCC	HNX	11/11/2021	12/11/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu		
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu		
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
SHB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
	10%	Cổ phiếu		
HDB	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	25%	Cổ phiếu		
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	16,000
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
				3,234



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931